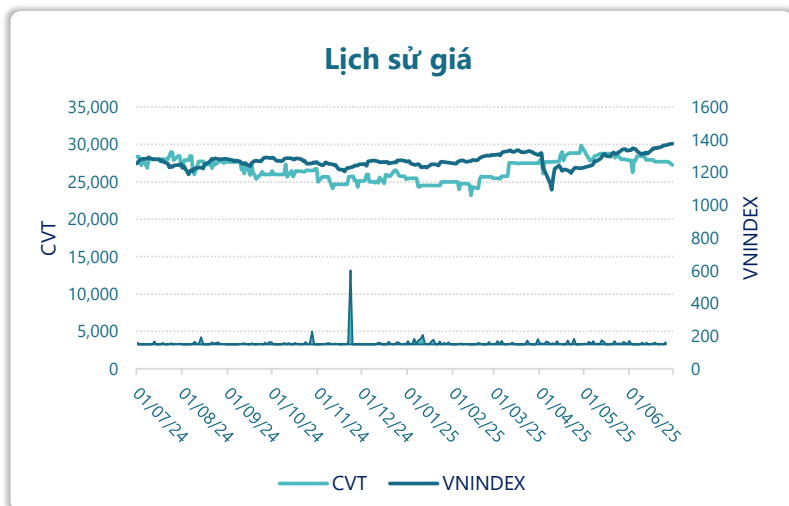


CTCP CMC (HSX: CVT)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	27,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,850
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,200
SL cổ phiếu LH	36,690,887
KLGD BQ 20 phiên (CP)	730
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,000
P/E	20.4
EPS	1,337

DT thuần
Q2/25

593

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 123 | 26.2%

YoY: ▲ 161 | 37.4%

LN sau thuế
Q2/25

8.50

tỷ VNĐ

QoQ: ▼12.5 | -59.5%

YoY: ▼14.0 | -62.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25

7.6%

+/- YoY: ▼ 8.2%

DT thuần
6T 2025

1,064

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 337 | 46.4%

LN sau thuế
6T 2025

29.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼10.7 | -26.7%

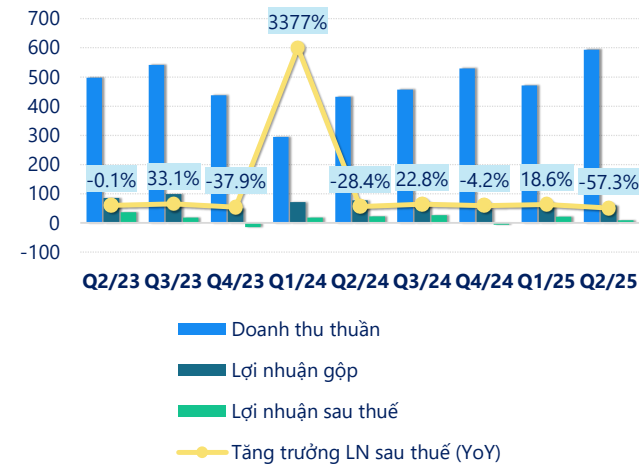
ROE
Q2/25

5.0%

+/- YoY: ▲ 0.3%

tỷ VNĐ

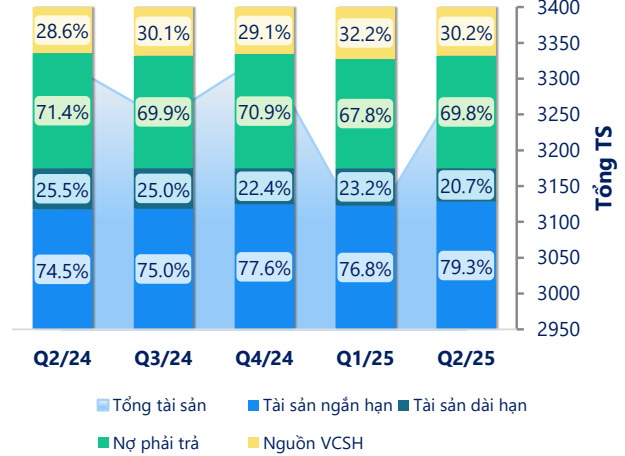
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

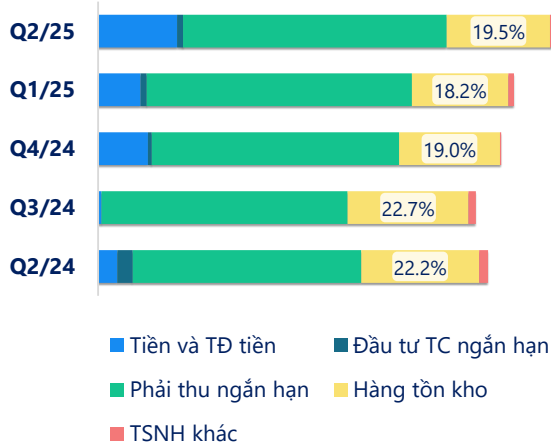
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



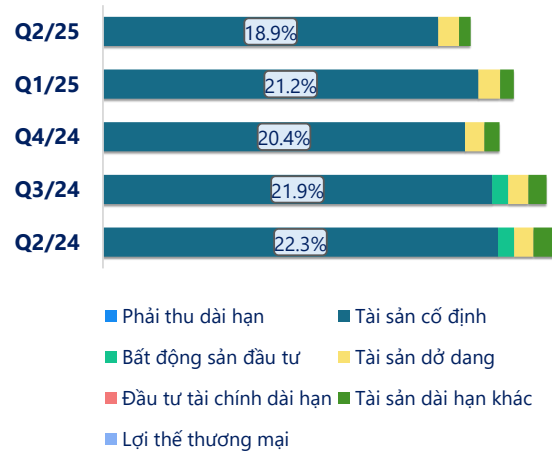
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

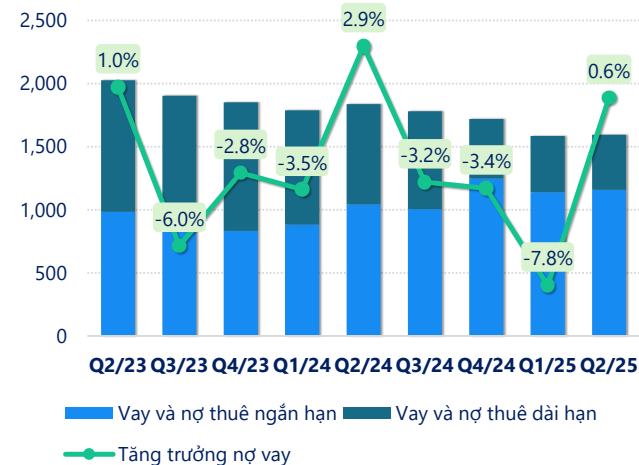
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

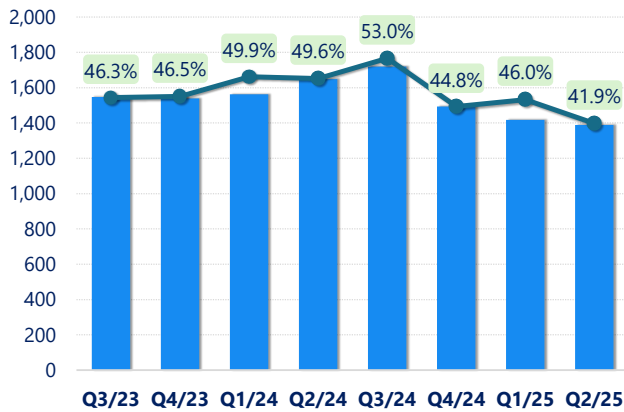
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

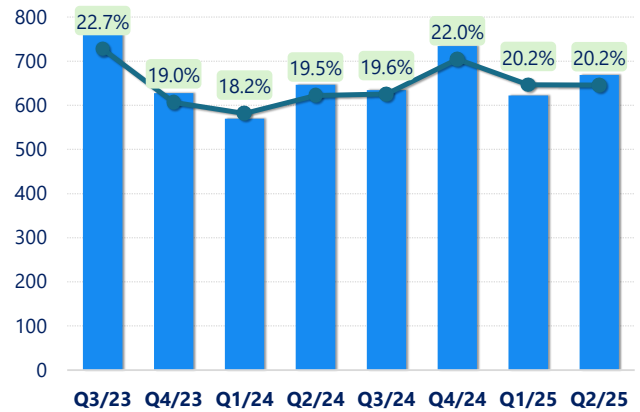
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


Phải thu ngắn hạn Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

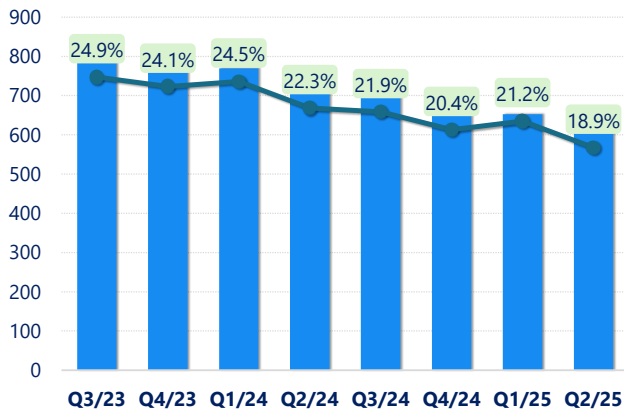
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


Hàng tồn kho Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

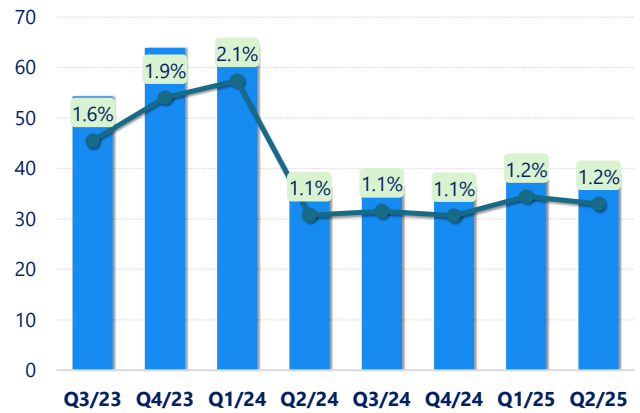
tỷ VNĐ

Tài sản cố định


Tài sản cố định Tỷ trọng với TTS

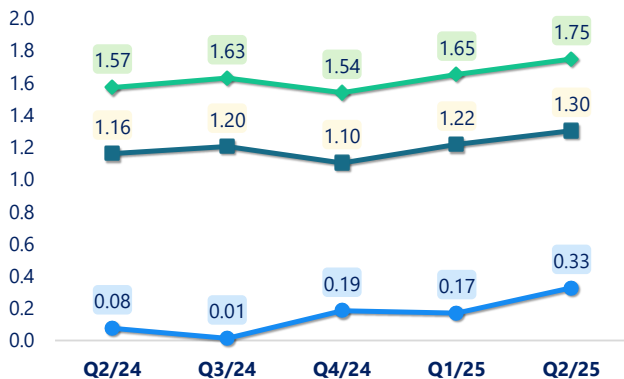
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


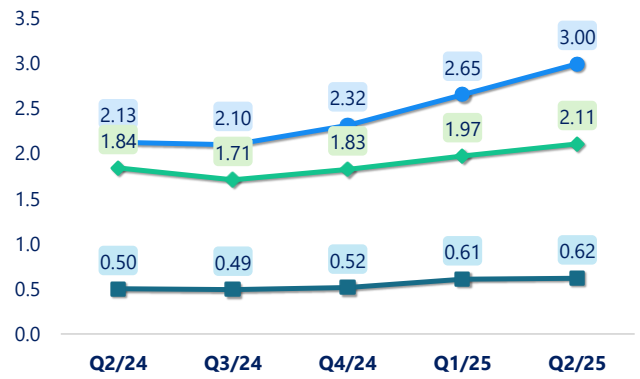
Tài sản dở dang Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


Tỷ số thanh toán tiền mặt Tỷ số thanh toán nhanh Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


Vòng quay TSCĐ Vòng quay Tổng TS Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	3,324	3,243	3,334	3,081	3,312
Tài sản ngắn hạn	2,478	2,432	2,588	2,367	2,625
Tiền và tương đương tiền	121	20.0	312	245	492
Đầu tư tài chính ngắn hạn	38.2	43.6	44.3	39.3	44.3
Phải thu ngắn hạn	1,648	1,719	1,493	1,417	1,388
Hàng tồn kho	647	634	734	622	668
Tài sản ngắn hạn khác	24.5	15.0	4.64	43.3	31.9
Tài sản dài hạn	846	812	746	714	687
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	741	712	681	653	627
Bất động sản đầu tư	30.1	29.9	0	0	0
Tài sản dở dang	36.5	36.5	36.5	37.9	39.1
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	39.1	33.7	28.3	23.8	21.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2,373	2,266	2,363	2,090	2,312
Nợ ngắn hạn	1,576	1,492	1,682	1,433	1,501
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,041	1,005	1,248	1,140	1,158
Phải trả người bán ngắn hạn	303	283	243	171	187
Nợ dài hạn	796	774	682	657	811
Vay và nợ thuê dài hạn	796	774	470	445	436
Nguồn vốn chủ sở hữu	951	977	971	991	1,000
Vốn chủ sở hữu	947	973	967	988	996
Vốn điều lệ	367	367	367	367	367
Kinh phí và quỹ khác	4.05	3.84	3.64	3.44	3.23

(Nguồn: fireant.vn)